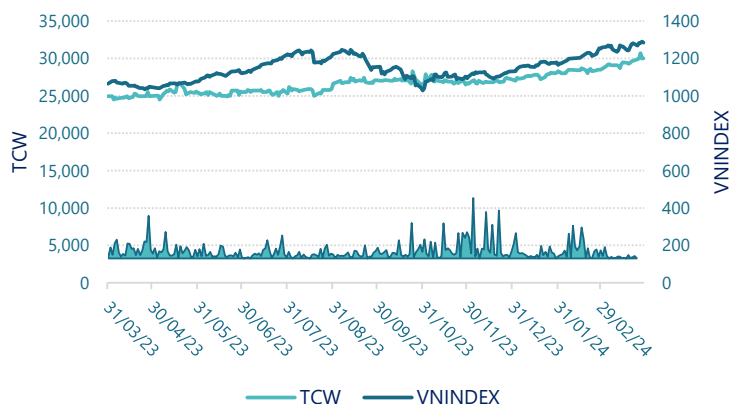


CTCP Kho vận Tân Cảng (UPCOM: TCW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	30,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,490
SL cổ phiếu LH	19,991,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,960
% sở hữu nước ngoài	5.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	600
P/E	6.5
EPS	4,639

DT thuần

Q1/24

251

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 2.0%

YoY: ▲ 30.0 | 13.6%

LN sau thuế

Q1/24

30.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.9 | 74.4%

YoY: ▲ 3.20 | 12.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

13.9%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

2023

929

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.00 | -0.1%

LN sau thuế

2023

97.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.70 | 11.1%

ROE

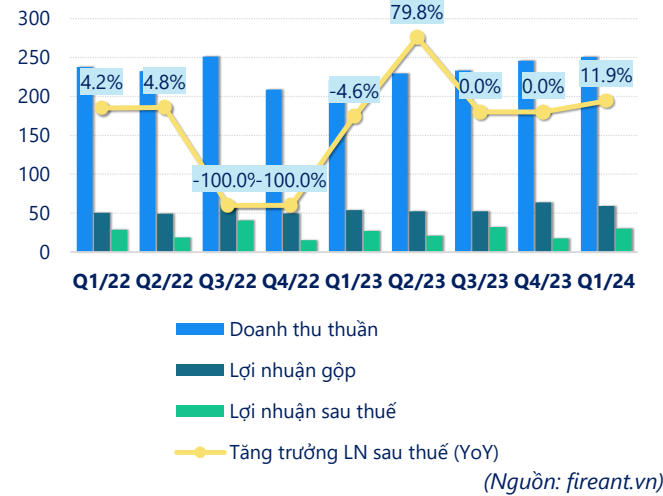
2023

24.9%

+/- YoY: ▲ 1.4%

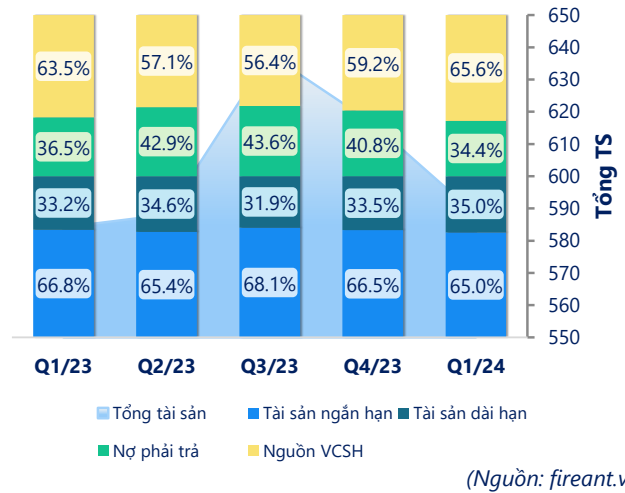
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

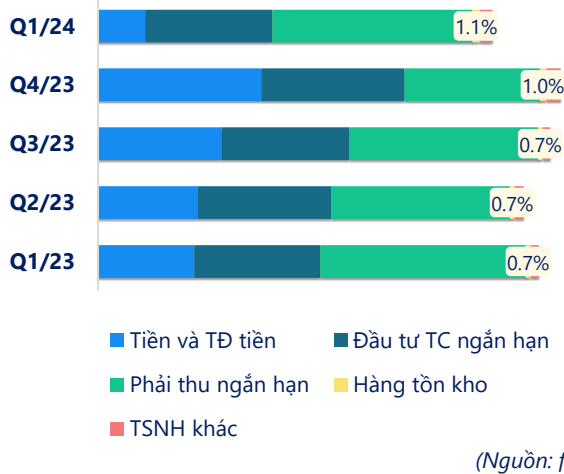


Cơ cấu Tổng tài sản

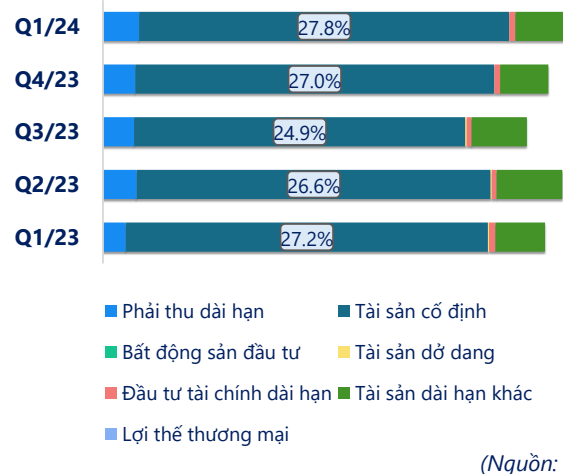
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

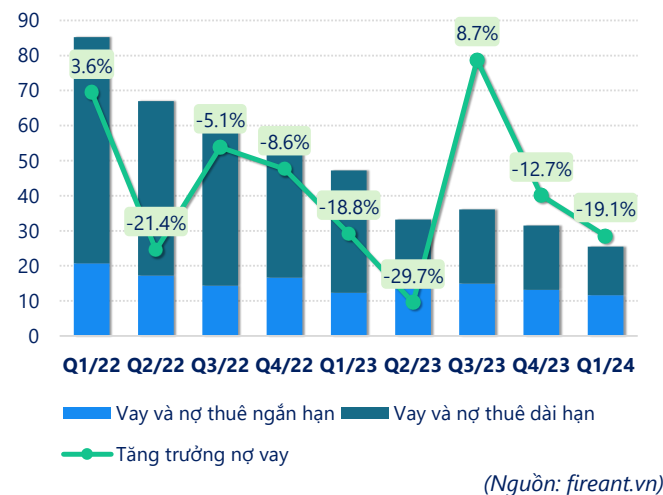


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



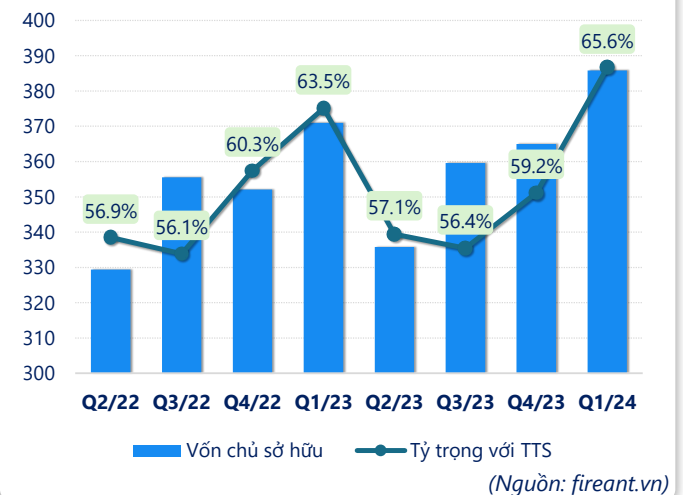
tỷ VNĐ

Nợ vay

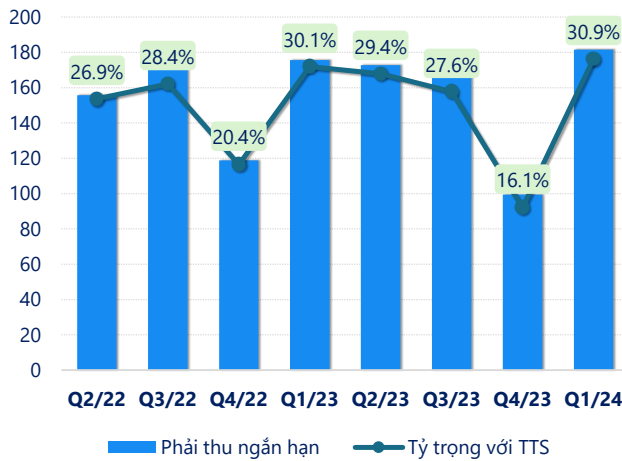


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


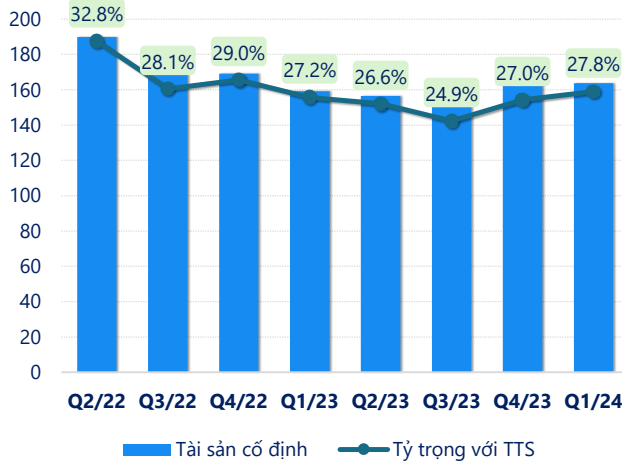
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

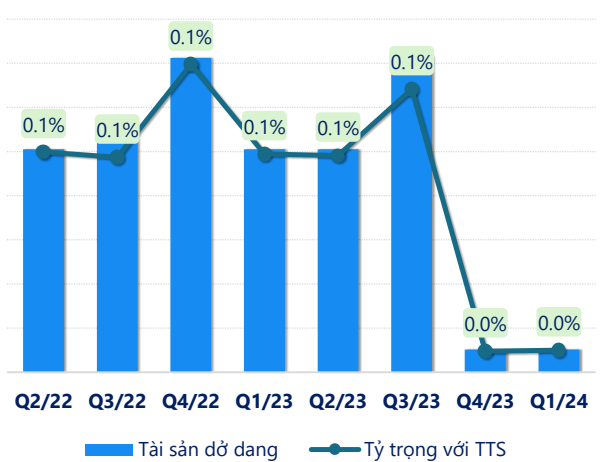

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

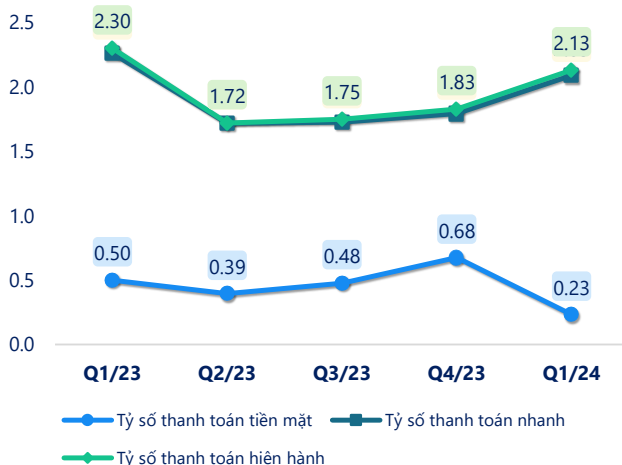
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

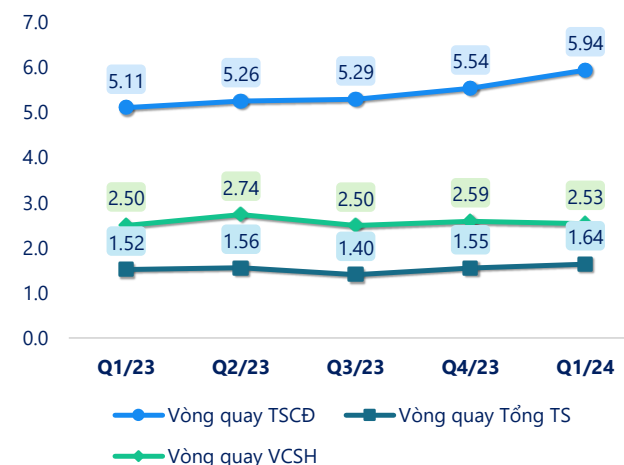
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	584	588	638	616	588
Tài sản ngắn hạn	390	385	434	410	383
Tiền và tương đương tiền	84.7	88.3	118	151	41.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	108	125	135	142
Phải thu ngắn hạn	176	173	176	99.4	182
Hàng tồn kho	6.54	0.55	5.37	7.77	7.61
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	10.2	9.50	16.4	9.64
Tài sản dài hạn	194	203	203	207	206
Phải thu dài hạn	10.0	15.0	15.0	15.0	16.0
Tài sản cố định	159	156	159	166	164
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.51	0.51	0.72	0.05	0.05
Đầu tư tài chính dài hạn	2.72	2.12	2.22	2.59	2.67
Tài sản dài hạn khác	21.8	29.1	26.6	22.4	23.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	213	252	278	251	202
Nợ ngắn hạn	170	224	248	224	180
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.3	13.5	14.9	13.1	11.6
Phải trả người bán ngắn hạn	36.2	44.6	35.5	70.6	42.0
Nợ dài hạn	43.5	28.5	29.8	27.2	22.7
Vay và nợ thuê dài hạn	34.9	19.7	21.2	18.4	13.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	371	336	360	365	386
Vốn chủ sở hữu	371	336	360	365	386
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)